

Bản án số: 813/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Phạm Thị Phạm Hương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Thanh Hương

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:***  
ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1846/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

Bà Trần Thị T, Sinh năm: 1978; Địa chỉ thường trú: ấp 4, xã Mỹ H, huyện T, tỉnh Đ. Địa chỉ tạm trú: số 49/4 đường số 2, phường B, quận T; (có đơn xin vắng mặt).

*Bị đơn:*

Ông Nguyễn Tấn S, Sinh năm: 1976; Địa chỉ thường trú: ấp 4, xã Mỹ H, huyện T, tỉnh Đ. Địa chỉ tạm trú: số 49/4 đường số 2, phường B, quận T; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn ly hôn ngày 02/12/2019, bản tự khai của bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn S chung sống với nhau vào năm 2005 đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện T, tỉnh Đ cấp ngày 02/10/2006). Thời gian đầu vợ chồng bình thường đến năm 2010, vợ chồng phát S mâu thuẫn nguyên nhân là do ông S không quan tâm chăm sóc gia đình. Mặc dù bà đã khuyên nhủ chồng nhưng ông S vẫn không thay đổi. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, khả

năng hàn gắn đoàn tụ không có nên bà xin ly hôn ông Nguyễn Tấn S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc Ng, Sinh ngày 09/9/2010. Ly hôn, bà xin nuôi con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Tấn S; về con chung: bà xin nuôi con Nguyễn Trần Ngọc Ng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có.

Về phía bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện các thủ tục xác minh và tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết : bà Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Tấn S và theo xác minh của Công an phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh “*đương sự Nguyễn Tấn S , Sinh năm 1976 hiện còn đang thực tế cư trú tại 49/4 đường số 2, khu phố 5, phường B, quận T*”. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, ông S vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại các phiên tòa nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Về nội dung:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Tấn S đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02/10/2006, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp

Xét yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn ông Nguyễn Tấn S vì lý do tình cảm không còn và mong muốn ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận thấy, về hôn nhân: bà T và ông S kết hôn năm 2006 đến năm 2010 vợ chồng phát S mâu thuẫn nguyên nhân là do ông S không quan tâm chăm sóc gia đình. Mặc dù bà đã cho ông S cơ hội khi rút đơn ly hôn vào năm 2019 nhưng ông S vẫn không thay đổi. Trong quá trình xét yêu cầu của bà T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng triệu tập ông S nhưng phía ông S không đến Tòa để cung cấp lời khai và các tài liệu chứng minh cho mình chứng tỏ ông S không có thiện chí đoàn tụ hôn nhân, do đó Tòa án chỉ căn cứ vào tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Xét về con chung: bà T khai trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc Nguyễn, S ngày 09/9/2010 và cháu đang ở với mẹ. Do ông S vắng mặt không lý do và để không xáo trộn tâm S lý và nơi ở của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bà T. Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu, hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung, nợ chung bà T khai không có và không tranh chấp do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T nộp tiền án phí theo quy định 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T:

- Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị T ly hôn với ông Nguyễn Tấn S

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Trần Ngọc Ng, Sinh ngày 09/9/2010 cho bà T nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Ông S có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, bà T và ông S đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà T khai không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được căn trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0064523 ngày 17/12/2019 Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: bà T và ông S có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Thanh Huyền**

